TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 392/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 03/7/2018.
V/v: "Ly hôn" giữa chị Trần Thị Kim T
và anh Nguyễn Văn Tuấn E.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Sơn;
- Bà Phan Thị Cẩm Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 386/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về yêu cầu: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:1241/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim T, sinh năm 1993 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: Số nhà 206/D2 kp7, thị trấn MC, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

2/ Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Tuấn E, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số nhà 12/2 ấp QL, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị Kim T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 17/5/2018, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ chị T trình bày:

Chị và anh Tuấn E cưới nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn MC, huyện MCN, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/6/2015. Trong thời gian sống chung có 01 người con chung tên Nguyễn Hoàng

H, sinh ngày 25/11/2015. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và hiện nay đã ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Tuấn E;

Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 25/11/2015; chị không yêu cầu anh Tuấn E cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết;

Nợ chung: Không có.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Chị T không yêu cầu không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Văn Tuấn E vắng mặt và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Điều 48, 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa là chưa chấp hành đúng quy định Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 235, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Về hôn nhân*:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Kim T;

- Về con chung: Chị T trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 25/11/2015, anh Tuấn E không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên không xem xét;

- Về nợ chung: Chị T trình bày không có nên không xem xét.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn Tuấn E có sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại số nhà 12/2 ấp QL, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Tuấn E đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Vì vậy căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T và anh Tuấn E.

[3] Chị Trần Thị Kim T và anh Nguyễn Văn Tuấn E cưới nhau vào năm 2015. Hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam vào năm 2015 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chị T và anh Tuấn E sống chung hạnh phúc. Sau đó, hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hai bên không có thiện chí dung hòa khắc phục mâu thuẫn hiện nay đã ly thân. Trong khoảng thời gian không sống chung hai bên không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm. Hai bên không có giải pháp nào giải quyết những mâu thuẫn để sum họp gia đình. Từ khi ly thân, hai bên có cuộc sống riêng tư, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đồng thời, quá trình giải quyết Tòa án thu thập chứng cứ bằng biện pháp xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Tuấn E thì được địa phương xác nhận tình trạng hôn nhân hai bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống và sinh hoạt. Xác định chị T và anh Tuấn E đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng. Đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở, phù hợp tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét về con chung: Chị T và Tuấn E có 01 con chung Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 25/11/2015. Xét thấy từ khi chị T và anh Tuấn E không còn sống chung con chung do chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, con chung có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặc khác hiện nay con chung dưới 36 tháng tuổi. Do đó, cần giao con chung cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu anh Tuấn E cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

giải quyết;

[6] Về nợ chung: Chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo qui định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Kim T. Chấp nhận cho chị Trần Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Tuấn E.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.Về con chung: Chị Trần Thị Kim T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 25/11/2015. Anh Tuấn E không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Tuấn E có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

3. Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Trần Thị Kim T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0016241 ngày 03/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND thị trấn MC, huyện MCN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết